

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)		
					DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN	750,475	750,475	654,387	87.20	87.20	106.77
I	Thu cân đối NSNN	750,355	750,355	454,540	60.58	60.58	97.75
1	Thu nội địa	91,360	91,360	65,687	71.90	71.90	125.96
2	Thu viện trợ						
3	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	610,037	610,037	375,762	61.60	61.60	117.16
4	Nguồn thực hiện CCTL 1,8 triệu đồng	48,958	48,958	13,091	26.74	26.74	-
	- Nguồn có tại địa phương	22,776	22,776				
	+ Nguồn năm 2023 chuyển sang	21,776	21,776				
	+ Nguồn thu tại đơn vị để lại (40% thu học phí)	1,000	1,000				
	- Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung	26,182	26,182	13,091	50.00	50.00	
II	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS trung ương	120	120	60	50.00	50.00	51.72
	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông	120	120	60	50.00	50.00	51.72
III	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên			58,235			61.17
IV	Thu từ NS cấp dưới nộp lên			133			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			138,332			
VI	Thu tạm ứng có mục tiêu từ năm trước chuyển sang			3,087			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	746,675	746,675	422,314	56.56	56.56	118.69
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	746,675	746,675	337,381	45.18	45.18	104.20
1	Chi đầu tư phát triển	39,926	39,926	15,660	39.22	39.22	66.12
2	Chi thường xuyên	693,112	693,112	321,721	46.42	46.42	107.20
3	Dự phòng ngân sách	13,637	13,637		0.00	0.00	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	-	-	29,072	-	-	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia (Vốn đầu tư)			25,797			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia (Vốn sự nghiệp)			3,275			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)		
					DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
C	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI			55,728			
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			133			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)		
					DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	91,360	91,360	65,687	71.90	71.90	125.96
I	Thu nội địa	91,360	91,360	65,687	71.90	71.90	125.96
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	200	200	220	110.00	110.00	153.85
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	26,500	26,500	22,619	85.35	85.35	118.49
4	Thuế thu nhập cá nhân	22,000	22,000	9,971	45.32	45.32	87.59
5	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0			
6	Lệ phí trước bạ	18,000	18,000	10,370	57.61	57.61	126.08
7	Thu phí, lệ phí	3,700	3,700	2,779	75.11	75.11	97.65
8	Các khoản thu về nhà, đất	10,360	10,360	12,346	119.17	119.17	303.71
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300	87	29.00	29.00	57.62
-	Thu tiền sử dụng đất	10,000	10,000	12,201	122.01	122.01	316.01
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	60	60	58	96.67	96.67	109.43
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			0			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0			
10	Thu khác ngân sách	10,500	10,500	7,382	70.30	70.30	115.38
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100	100				
II	Thu viện trợ	0	0	0			
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	87,560	87,560	61,802	70.58	70.58	126.20
1	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	62,320	62,320	39,648	63.62	63.62	130.19
2	- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	25,240	25,240	22,154	87.77	87.77	119.65

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)		
					DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	746,675	746,675	422,314	56.56	56.56	118.69
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	746,675	746,675	337,381	45.18	45.18	104.20
I	Chi đầu tư phát triển	39,926	39,926	15,660	39.22	39.22	66.12
1	Chi đầu tư cho các dự án						
2	Chi đầu tư phát triển khác						
II	Chi thường xuyên	693,112	693,112	321,721	46.42	46.42	107.20
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	355,983	349,481	167,952	47.18	48.06	118.11
2	Chi khoa học và công nghệ						
3	Chi y tế, dân số và gia đình	300	300	150	50.00	50.00	1.76
4	Chi văn hóa thông tin	5,455	5,284	2,719	49.84	51.46	100.78
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1,286	859	90	7.00	10.48	32.14
6	Chi thể dục thể thao	1,325	625	497	37.51	79.52	87.50
7	Chi bảo vệ môi trường	7,582	7,582	4,935	65.09	65.09	193.30
8	Chi các hoạt động kinh tế	67,582	67,582	22,544	33.36	33.36	72.20
9	Chi hoạt động của cơ quan QLHC, đảng, đoàn thể	128,509	128,509	67,991	52.91	52.91	112.66
10	Chi bảo đảm xã hội	62,294	61,804	38,949	62.52	63.02	107.21
11	Chi an ninh - Quốc phòng	22,130	26,165	15,044	67.98	57.50	103.84
12	Chi khác ngân sách	40,666	36,631	850	2.09	2.32	93.92
13	Chi khác sự nghiệp văn xã		8,290				
III	Dự phòng ngân sách	13,637	13,637		-	-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			29,072	-	-	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia (Vốn đầu tư)			25,797			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia (Vốn sự nghiệp)			3,275			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)		
					DỰ TOÁN NĂM (TỈNH GIAO)	DỰ TOÁN NĂM (HĐND HUYỆN GIAO)	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
C	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI			55,728			
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			133			